

Bản án số: **18/2024/HS-PT**
Ngày: 24-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Thẩm phán: bà Đỗ Thu Hương.

Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Kim Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Thiều Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 20/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Lò Văn S do có kháng cáo của bị cáo Lò Văn S đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 176/2024/HS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lò Văn S, sinh năm: 1983, tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Dân tộc: Lào; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Lò Văn P (đã chết) và con bà Lò Thị X, sinh năm 1962; Vợ Lò Thị V, sinh năm 1984 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Cảnh Ph, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không được triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm do không liên quan đến nội dung kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mục đích muốn có đất trồng lúa nương, khoảng đầu tháng 01/2023, bị cáo Lò Văn S đi bộ từ nhà ở bản N, xã M, huyện Đ, mang theo còm và 01 con dao quắm dài 60cm, lưỡi dao và chuôi dao làm bằng kim loại, cán dao làm bằng tre hình tròn đến khu vực rừng phòng hộ TXK (rừng tự nhiên gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt), có nhiều cây gỗ to nhỏ khác nhau, loại cây chủ yếu là Vối Thuộc, Giẻ, tại khoảnh 3, tiểu khu 812B, thuộc địa phận rừng bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ quản lý và bảo vệ. Bị cáo S dùng dao phát từ khe suối lên, đầu tiên phát những bụi cỏ và cây nhỏ trước, sau đó chặt các cây to; đến chiều cùng ngày, bị cáo nghỉ và về nhà. Khoảng đầu tháng 3/2023, bị cáo S đi bộ từ nhà mang theo còm và 01 con dao quắm đã sử dụng trước đó đến khu vực rừng bị cáo đã chặt phát vào đầu tháng 01/2023, tiếp tục dùng dao quắm phát những bụi cỏ và cây nhỏ trước, sau đó chặt các cây to, đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì nghỉ. Bị cáo S chặt phát liên tục trong vòng 07 ngày thì về nhà nghỉ chờ cây khô để đốt lấy đất trồng lúa nương. Một thời gian sau, khi cán bộ Kiểm lâm yêu cầu không được làm nương, nên bị cáo S không đi đốt. Lo sợ bị đi tù nên bị cáo S đã nhờ anh trai ruột là Lò Văn Phấn nhận hộ một phần diện tích rừng đã bị chặt phá. Qua trình kiểm tra, xác minh tin báo Lò Văn Ph đã khai báo việc đã nhận hộ cho bị cáo Lò Văn S. Ngày 30/10/2023, bị cáo Lò Văn S đã tự nguyện chỉ cho cơ quan chức năng đo đạc lại toàn bộ diện tích rừng mà bị cáo S đã chặt phá, kết quả diện tích rừng bị chặt phá là 6.320m².

Tại bản Kết luận giám định số 49/KL-GĐ ngày 15/8/2023 và Kết luận giám định số 74/KL-GĐ, ngày 04/11/2023 của Giám định viên tư pháp Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên kết luận: Khu rừng bị chặt phá trái pháp luật tại khoảnh 3, tiểu khu 812B thuộc địa phận khu vực rừng bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là rừng; khu rừng bị chặt phá là rừng tự nhiên; loại rừng phòng hộ. Vị trí đám rừng bị chặt phá nằm trong tiểu khu 812B, khoảnh 3 thuộc địa phận khu vực rừng N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; trạng thái rừng: Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất đá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK; Diện tích rừng: 6.320 m², trữ lượng rừng trên diện tích bị chặt phá (6.320 m²): 24,635m³. Diện tích rừng 6.320 m² chưa giao, chưa cho thuê, hiện UBND xã M đang quản lý theo khoản 3 Điều 102 của Luật lâm nghiệp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-ĐGTS ngày 10/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: tổng diện tích 6.320 m² (0,632 ha) giá trị là 26.489.355 đồng. Giá trị thiệt hại về môi trường diện tích 6.320 m² trạng thái rừng tự nhiên gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ không có căn cứ và cơ sở nào để xác định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 176/2024/HS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định như sau:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn S phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lò Văn S **01 (Một)** năm **08 (Tám)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lò Văn S phải bồi thường cho Nhà nước số tiền: 26.489.355 đồng (bị cáo đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000182 ngày 09/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, bị cáo còn phải nộp 24.489.355 đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Ngày 16/8/2024, bị cáo Lò Văn S kháng cáo với nội dung xin giảm án và được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo sinh sống đều phụ thuộc vào nương rẫy, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt; bị cáo luôn chấp hành đúng pháp luật, ngoài ra bị cáo còn là lao động chính của gia đình; tại phiên tòa phúc thẩm UBND xã M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lò Văn S và cho bị cáo được hưởng án treo. Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo theo quy định tại đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Về hình thức: đơn kháng cáo của bị cáo Lò Văn S làm trong hạn luật định, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự được coi là hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo đúng người, đúng tội và căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự kết án và xử phạt hình phạt tù với bị cáo là đúng quy định và có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình được đơn có nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S của UBND xã M, do đó có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo S. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

của bị cáo Lò Văn S; về kháng cáo xin hưởng án treo không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin được miễn án phí hình sự phúc thẩm; do đó căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

Trong phần tranh luận bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên không tranh luận với nhau về nội dung gì; trong lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Với mục đích có đất để trồng lúa, tháng 01 và tháng 3/2023 bị cáo Lò Văn S dùng 01 con dao phát bằng kim loại chặt phá trái phép 6.320 m² rừng phòng hộ nằm trong tiểu khu 812B, khoảnh 3 thuộc địa phận khu vực rừng N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất đá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK; chưa giao, chưa cho thuê, hiện UBND xã M đang quản lý theo khoản 3 Điều 102 của Luật lâm nghiệp.

Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Lò Văn S về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, hậu quả của hành vi gây thiệt hại 6.320 m² rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản của Nhà nước, gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước và ảnh hưởng tới môi trường sinh thái. Diện tích rừng bị cáo hủy hoại có chức năng là rừng phòng hộ, do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, là nguyên nhân có thể dẫn đến thiên tai, gây hậu quả xấu, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống và có thể gây thiệt hại cả về kinh tế cho xã hội. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã M nói riêng và huyện Đ nói chung. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội cũng một phần do tập

quán di canh, di cư của người dân địa phương, mục đích phá rừng để làm nương; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo để xử phạt bị cáo 01 năm 08 tháng tù là thỏa đáng, phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm được tài liệu UBND xã M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo. Yêu cầu kháng cáo được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, bởi lẽ tình trạng phá rừng phòng hộ trên địa bàn huyện Đ nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung ngày càng gia tăng, do đó cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung; mang tính chất tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ rừng trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phúc thẩm, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa hình phạt chính đối với bị cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống trong vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Đ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lò Văn S.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 176/2024/HS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024

của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên về phần hình phạt chính của bị cáo Lò Văn S.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn S phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn S 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí phúc thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Lò Văn S.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 176/2024/HS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc I TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo, Nguyên đơn DS, Người CQLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa